

## BIỂU PHÍ DỊCH VỤ VCB-IB@N KING, VCB - MONEY

### I. Dịch vụ chuyển tiền trong nước qua VCB - iB@nking, VCB - Money

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ	
		TK VND	TK NGOẠI TỆ
<b>1</b>	<b>Chuyển tiền đi cùng hệ thống VCB</b>		
1.1	Trích tài khoản chuyển đi (Tài khoản - Tài khoản)	Miễn phí	Miễn phí
1.2	Trích tài khoản chuyển đi cho người nhận bằng CMND, hộ chiếu (Tài khoản - Tiền mặt)	0,03% tối thiểu 10.000VND tối đa 1 triệu VND	* Nhận USD: 0,2%, tối thiểu 2 USD; * Nhận ngoại tệ khác: 0,4%, tối thiểu 3 USD
<b>2</b>	<b>Chuyển tiền đi khác hệ thống VCB</b>		
2.1	Trích tài khoản chuyển đi <500 triệu VND	15.000VND/món	0,02% tối thiểu 5 USD tối đa 100 USD
2.2	Trích tài khoản chuyển đi ≥500 triệu VND	0,02% tối đa 1 triệu VND	

### II. Phí các thiết bị định danh khách hàng (đã bao gồm thuế GTGT):

- Sử dụng thiết bị định danh thẻ EMV - OTP:
  - 1.1 Phí thẻ EMV- OTP : 100.000 VND/chiếc
  - 1.2 Phí đầu đọc thẻ EMV- OTP : 330.000 VND/chiếc
- Sử dụng thiết bị định danh eToken : 330.000 VND/chiếc
- Phí bảo hành, sửa chữa thiết bị (thẻ EMV-OTP đầu đọc thẻ EMV-OTP, thiết bị eToken) : Thu theo thực tế của nhà cung cấp

### III. Phí khác :

- Phí thường niên dịch vụ VCB- iB@nking: 100.000VND/năm. Thu vào ngày 31 tháng 12 hàng năm (trừ khi có thỏa thuận khác), trích nợ từ tài khoản VND hoặc tài khoản ngoại tệ.
- Phí thường niên dịch vụ VCB - Money: 1.000.000 VND/năm/user (Áp dụng theo điểm 8 mục 2 Công văn 800/VCB.KHDN ngày 08/6/2011 v/v sửa đổi, bổ sung Biểu phí dịch vụ tài khoản áp dụng đối với khách hàng là Tổ chức, doanh nghiệp).

### Ghi chú :

- Biểu phí trên được áp dụng cho đối tượng khách hàng là Tổ chức, doanh nghiệp.
- Mức phí quy định chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Phí được tính bằng VND hoặc ngoại tệ tương đương theo tỷ giá do VCB công bố tại thời điểm thu phí
- Trường hợp khách hàng bán ngoại tệ chuyển đi bằng VND: Áp dụng theo mức phí tài khoản VND, giá trị ngoại tệ chuyển đi quy đổi sang VND theo tỷ giá mua ngoại tệ chuyển khoản tại thời điểm giao dịch của VCB.
- Các giao dịch ngoại tệ liên quan đến việc sử dụng ngoại tệ tuân thủ theo quy định Quản lý Ngoại hối hiện hành của nhà nước.
- VCB không thu phí với các khoản thanh toán trực tiếp giữa khách hàng với VCB với các khoản trả nợ vay, trả lãi, trả phí dịch vụ, trả tiền mua giấy tờ in hoặc các phương tiện thanh toán.
- VCB không hoàn trả lại phí thanh toán đã thu trong trường hợp khách hàng yêu cầu hủy bỏ dịch vụ thanh toán hoặc dịch vụ thanh toán không được thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của VCB gây ra.
- Biểu phí này được thay đổi mà không cần có sự báo trước của ngân hàng trừ khi ngân hàng và khách hàng có thỏa thuận khác.

## BIỂU PHÍ DỊCH VỤ VCB-SMS B@N KING

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ
1	<b>Dịch vụ truy vấn thông tin tài khoản</b>	1.000VNĐ/ 1 tin nhắn (do công ty cung cấp dịch vụ viễn thông thu trực tiếp từ thuê bao gửi tin nhắn)
2	<b>Dịch vụ nhắn tin chủ động</b> (không giới hạn số lượng tin nhắn thông báo biến động số dư tài khoản trong tháng).	55.000 VNĐ/1 tháng/1 số điện thoại đăng ký

### **Ghi chú:**

1. *Mức phí quy định đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.*
2. *Phí được tính bằng VND hoặc ngoại tệ tương đương theo tỷ giá do VCB công bố tại thời điểm thu phí.*
3. *Phí được thu trực tiếp từ tài khoản thanh toán mặc định mà khách hàng đăng ký dịch vụ SMS B@nking vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, trừ khi có thoả thuận khác.*
4. *Vietcombank không hoàn trả lại phí đã thu trong trường hợp khách hàng yêu cầu huỷ bỏ giao dịch hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của Vietcombank gây ra.*
5. *Các mức phí được thay đổi mà không cần có sự báo trước của ngân hàng trừ khi ngân hàng và khách hàng có thoả thuận khác.*